TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ THỦY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05/7/2024
Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Mỹ Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Em
2. Bà Nguyễn Thị Tua

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hol – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 05/7/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2024/TLST-HNGĐ ngày 22/4/2024 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2024/QĐST-DS ngày 12/6/2024 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: ấp H, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: ấp H, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 3 năm 2024 nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày: Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm không thể tiếp tục chung sống được nên đã ly thân. Nay chị Nguyễn Thị K yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là Nguyễn Trung K1, sinh ngày 09/6/2010. Con chung hiện đang sống với anh Nguyễn Văn T, khi ly hôn

chị Nguyễn Thị K thống nhất giao con cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đ/ tháng.

Về tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Chị Nguyễn Thị K đã nộp cho Trích lục kết hôn, bản sao giấy khai sinh con chung, xác nhận thông tin cư trú.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Đối với chị Nguyễn Thị K có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị K theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tạo điều kiện để cho chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn T hòa giải với nhau nhưng không mang lại kết quả. Anh chị cũng đã ly thân với nhau. Xét thấy hôn nhân phải dựa trên sự tự nguyện và phải có sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau. Nhưng đối với hôn nhân của chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn T đã phát sinh mâu thuẫn và không còn sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau nữa. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị K tự nguyện giao con chung là Nguyễn Trung K1 cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng. Xét thấy từ khi chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn T ly thân đến nay con chung sống với anh Nguyễn Văn T. Cháu Nguyễn Trung K1 cũng có nguyện vọng được sống với cha. Do đó để ổn định cuộc sống hiện tại cho cháu, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Trung K1 cho anh Nguyễn Văn T tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Nguyễn Văn T không có yêu cầu chị Nguyễn Thị K cấp dưỡng nuôi con nhưng chị Nguyễn Thị K tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Trong vụ án này anh Nguyễn Văn T không có yêu cầu nhưng để đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng tốt nhất cho con Hội đồng xét xử xét thấy việc chị Nguyễn Thị K cấp dưỡng nuôi con là phù hợp và có lợi cho con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị K. Chị Nguyễn Thị K có nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền 3.000.000 đ/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án đến khi cháu Nguyễn Trung K1 đủ 18 tuổi.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Về tài sản chung và nợ chung không có, đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Đương sự còn phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án và được kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, 6, 28, 35, 39, 91, 147, 271, 273, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị K, chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trung K1, sinh ngày 09/6/2010 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị K: Chị Nguyễn Thị K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đ/tháng, cấp dưỡng hàng tháng,

thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án đến khi cháu Nguyễn Trung K1 đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị K phải nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn và 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí cấp dưỡng, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai thu tiền số 0008637 ngày 22/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy thành án phí, chị Nguyễn Thị K phải nộp thêm 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)*.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền còn chưa thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng N quy định tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục TAHDS huyện Vị Thủy;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Cổng TTĐT (để công bố);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Thị Mỹ Trúc